

Số: 1530 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi Quyết định số 600/QĐ-NHNN ngày 24/03/2010
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Kế hoạch tổng thể
thực hiện Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý
và hiện đại hóa ngân hàng”**

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 12/8/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập Ban Quản lý Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 4505-VN ký ngày 21/04/2009 giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ Thư sửa đổi Hiệp định tài trợ Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” ngày 26/12/2014; và Thư gia hạn thời gian kết thúc Dự án ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Thế giới;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-NHNN ngày 24/03/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” – sửa đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư FSMIMS, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Trưởng Ban Triển khai dự án Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BLĐ NHNN;
- Các Vụ, Cục thuộc NHNN;
- Lưu VP, Ban FSMIMS.

[Handwritten signature]

KT. THỐNG ĐỐC

PHÓ THỐNG ĐỐC



Nguyễn Kim Anh



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ

**Thực hiện Dự án Hệ thống thông tin quản lý
và Hiện đại hóa ngân hàng (Dự án FSMIMS)
(sửa đổi)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4532/QĐ-NHNN ngày 20/11/2017)

MỤC LỤC

I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN	2
1. Mục tiêu và phạm vi của Dự án:.....	2
2. Kết quả dự kiến của Dự án	2
II. KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN	3
1. Kế hoạch tổng thể:	3
2. Tổ chức quản lý Dự án	12
III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN.....	13
1. Các tiêu chuẩn quốc tế liên quan áp dụng.....	14
2. Theo dõi và đánh giá dự án	14

I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

1. Mục tiêu và phạm vi của Dự án:

Mục tiêu dự án là hỗ trợ NHNN, Trung tâm Thông tin tín dụng và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cải thiện kết quả thực hiện các chức năng chính của mình theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan trong lĩnh vực ngân hàng, thông qua (a) xây dựng một hệ thống tập trung, tích hợp các quy trình nghiệp vụ tiên tiến và một kiến trúc công nghệ thông tin hiện đại; và (b) tăng cường năng lực thể chế để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình.

Dự án FSMIMS sẽ được triển khai theo hai phần riêng biệt trong khuôn khổ chung của Dự án. Phần dự án cho NHNN và CIC sẽ được thực hiện và quản lý bởi NHNN. BHTG sẽ chịu trách nhiệm thực hiện độc lập phần dự án của mình.

Thời gian triển khai dự án theo kế hoạch là 09 năm và ngày kết thúc là ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Kết quả dự kiến của Dự án:

2.1. Chỉ số kết quả Dự án

Kết quả thực hiện Mục tiêu phát triển Dự án sẽ được đánh giá dựa trên các chỉ số kết quả chủ yếu như sau:

2.1.1. Phần 1, Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước: NHNN củng cố các chức năng chính của mình thể hiện bởi:

- i. Chức năng chính sách – tính chính xác và phù hợp của số liệu thống kê với Hướng dẫn của IMF về Thống kê tiền tệ và tài chính và phổ biến dữ liệu chung được cải thiện; NHNN nộp báo cáo tiền tệ hàng tháng cho IMF; kết quả của 02 chương trình nghiên cứu được công bố theo định kỳ;
- ii. Chức năng thanh tra giám sát – Việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Basel (Basel Core Principles) đối với giám sát ngân hàng hữu hiệu về thanh tra giám sát từ xa được cải thiện, đặc biệt việc giám sát từ xa định kỳ về các hồ sơ rủi ro ngân hàng.
- iii. Chức năng kế toán – Việc trình bày, cách thức tổng hợp và tính kịp thời của các báo cáo tài chính của NHNN một mặt phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam (VAS) cũng như các yêu cầu quản lý của NHNN; mặt khác, phù hợp với các thông lệ và chuẩn quốc tế áp dụng đối với các ngân hàng trung ương, đặc biệt là trong việc cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các yêu cầu theo quy định của Việt Nam.

2.1.2. Phần 2, Củng cố chức năng CIC: thông tin tín dụng do CIC cung cấp là toàn diện, phù hợp với các thông lệ PCR của các nước OECD, bao quát quá trình trả nợ, nợ chưa trả hay dư nợ theo người vay và theo hợp đồng.

2.1.3. Phần 3, Tăng cường chức năng BHTG: BHTG củng cố năng lực quản trị rủi ro thể hiện bởi độ bao quát của các báo cáo đánh giá đối với rủi ro tín dụng được cải thiện, và việc áp dụng phù hợp với khuyến nghị của Nhóm công tác quốc tế về bảo hiểm tiền gửi thuộc Diễn đàn ổn định tài chính.

2.2. Chỉ số đầu ra hợp phần:

Kết quả đạt được các sản phẩm đầu ra theo dự kiến của các cấu phần dự án sẽ được theo dõi và đánh giá theo các chỉ số đầu ra chính như sau:

2.2.1. Đối với phần A (1), B (1), C (1)^(*), NHNN, CIC và BHTG củng cố các chức năng chính thể hiện ở chất lượng nâng cao của 2-3 chương trình công tác quan trọng và sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ chính¹ thể hiện bởi:

- i. Quy định, quy trình và chính sách hoạt động mới/sửa đổi được NHNN/CIC/BHTG triển khai;
- ii. Chương trình nghiên cứu về 2 chủ đề² và chương trình đào tạo trung hạn được NHNN triển khai.

2.2.2. Đối với phần A (2), B (2), C (2)^(*), NHNN, CIC và BHTG lắp đặt, quản lý và khai thác tập trung các hệ thống phần cứng, phần mềm và thiết lập nền tảng CNTT tập trung đồng bộ với các thiết kế khái niệm kiến trúc CNTT được chấp thuận thể hiện bởi:

- i. Quy trình hoạt động tự động hóa được áp dụng nhằm phát hiện sự không thống nhất hoặc lỗi trong cung cấp và lưu chuyển thông tin;
- ii. Xác nhận của bên thứ ba độc lập về việc đạt được các kết quả dự kiến trong triển khai hệ thống trước khi nghiệm thu.

2.2.3. Đối với phần A, B, C^(*), lãnh đạo NHNN, CIC và BHTG được đào tạo về quy trình nghiệp vụ mới và các chính sách/quy trình hoạt động liên quan, công cụ báo cáo/phân tích mới và CNTT liên quan, thể hiện qua:

- i. NHNN/CIC/BHTG thông qua các kế hoạch đào tạo CNTT và nghiệp vụ toàn diện và có thời hạn;
- ii. Hoàn thành các hoạt động đào tạo đúng thời gian dự kiến

II. KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Kế hoạch tổng thể:

¹ Chương trình công tác quan trọng và quy trình nghiệp vụ chính bao gồm: (i) Nghiệp vụ thị trường mở; (ii) dự báo và xác định mục tiêu lạm phát; (iii) quy trình nghiệp vụ kế toán tài chính mới; (iv) hệ thống tài khoản kế toán mới.

² Dự báo lạm phát ở Việt Nam và đánh giá mức độ rủi ro lây lan trong thị trường liên ngân hàng ở Việt nam thông qua ma trận các mối quan hệ cho vay giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(*) Ghi chú:

A: Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

B: Tăng cường năng lực Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

C: Tăng cường năng lực Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam

(1): Củng cố chức năng và cải tiến quy trình nghiệp vụ

(2): Xây dựng nền tảng Công nghệ thông tin

Nội dung công việc	Thời gian bắt đầu* (ngày/tháng/năm)	Thời gian kết thúc (ngày/tháng/năm)	Vốn phân bố (USD)	Nguồn vốn	Phương pháp mua sắm
2.1. Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN (Gói thầu SG1.1)	Tháng 12/2013	Tháng 12/2016	10.001.957	IDA, Đối ứng	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế 1 giai đoạn (ICB)
2.1.1. Đấu thầu mua sắm SG1.1	Tháng 12/2013	Tháng 02/2014			
2.1.2. Triển khai SG1.1	Tháng 02/2014	Tháng 12/2016			
2.2. Cung cấp, lắp đặt và di chuyển Trung tâm dữ liệu mới của NHNN (Gói thầu SG1.2)	Tháng 4/2016	Tháng 03/2017	6.182.488	IDA	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế 1 giai đoạn (ICB)
2.2.1. Đấu thầu mua sắm SG1.2	Tháng 4/2016	Tháng 06/2016			
2.2.2. Triển khai SG1.2	Tháng 06/2016	Tháng 03/2017			
2.3 Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước (Gói thầu SG3.1)	Tháng 4/2013	Tháng 12/2016	8.642.591	IDA, Đối ứng	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế 2 giai đoạn (ICB)
2.3.1 Đấu thầu mua sắm SG3.1	Tháng 4/2013	Tháng 05/2014			
2.3.2 Triển khai SG3.1	Tháng 05/2014	Tháng 12/2016			
2.4 Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho Ngân hàng Nhà nước (Gói thầu SG3.2)	Tháng 4/2014	Tháng 9/2017	1.781.033	IDA, Đối ứng	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế
2.4.1 Đấu thầu mua sắm SG3.2	Tháng 4/2014	Tháng 10/2014			
2.4.2 Triển khai SG3.2	Tháng 10/2014	Tháng 9/2017			

Số hiệu Công vụ		Ngày ban hành		Số hiệu		Ngày ban hành	
Số hiệu Công vụ		Ngày ban hành		Số hiệu		Ngày ban hành	
2.5	Quản lý dữ liệu NHNN (kho lưu trữ dữ liệu lõi và các ứng dụng liên quan) (Gói thầu SG4)	Tháng 6/2014	Tháng 12/2016	4.584.038	IDA, Đối ứng	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế	
2.5.1.	Đấu thầu mua sắm SG4	Tháng 6/2014	Tháng 11/2014				
2.5.2.	Triển khai SG4	Tháng 11/2014	Tháng 12/2016				
2.6	Tư vấn quản lý và điều phối các gói thầu CNTT (Gói thầu ST3)	Tháng 12/2014	Tháng 12/2017	280.000	IDA	Tuyển chọn Tư vấn trên cơ sở chất lượng và chi phí (QCBS)	
2.6.1.	Tuyển chọn tư vấn ST3	Tháng 12/2014	Tháng 3/2015				
2.6.2.	Triển khai ST3	Tháng 3/2015	Tháng 12/2017				
1.	Hỗ trợ Ban Quản lý Dự án (PMU)						
3.1.	Thiết bị văn phòng cho PMU (Gói thầu SG5.1 và SG5.2)					Chào hàng cạnh tranh (Shopping)	
3.1.1.1.	Đấu thầu mua sắm SG5.1	Tháng 3/2012	Tháng 04/2012	33.556	IDA (85%) đối ứng (15%)		
3.1.1.2.	Triển khai SG5.1	Tháng 04/2012	Tháng 09/2012				
3.1.1.3.	Đấu thầu mua sắm SG5.2	Tháng 12/2013	Tháng 01/2014	26.344	IDA (85%) đối ứng (15%)		
3.1.1.4.	Triển khai SG5.2	Tháng 01/2014	Tháng 3/2014				

Nội dung công việc	Thời gian bắt đầu* (ngày/tháng/năm)	Thời gian kết thúc (ngày/tháng/năm)	Vốn phân bố (USD)	Nguồn vốn	Phương pháp mua sắm
3.2. Chuyên gia tư vấn hỗ trợ PMU về đấu thầu, mua sắm (<i>Gói thầu ST5</i>)	Tháng 07/2012	Tháng 7/2014	20.804	IDA	Tuyển chọn tư vấn cá nhân (IC)
3.2.1. Đấu thầu tuyển chọn tư vấn ST5	Tháng 07/2012	Tháng 10/2012			
3.2.2. Triển khai ST5	Tháng 10/2012	Tháng 7/2014			
3.3. Kiểm toán báo cáo tài chính (<i>Gói thầu ST6</i>)			147.940	IDA	
3.3.1. Đấu thầu tuyển chọn công ty kiểm toán ST6.1 (Kiểm toán báo cáo tài chính đợt 1)	Tháng 11/2010	Tháng 01/2011	15.418	IDA	Tuyển chọn tư vấn theo chi phí thấp nhất (LCS)
3.3.2. Triển khai ST6.1	Tháng 02/2011	Tháng 03/2015			
3.3.3. Đấu thầu tuyển chọn công ty kiểm toán ST6.2 (Kiểm toán báo cáo tài chính đợt 2)	Tháng 11/2013	Tháng 3/2014	132.522	IDA	Tuyển chọn trên cơ sở năng lực của tư vấn (CQS)
3.3.4. Triển khai ST6.2	Tháng 3/2014	Tháng 11/2018			
3.4. Hỗ trợ PMU thông qua tư vấn cá nhân (<i>Gói thầu ST4</i>)	Tháng 03/2009	Tháng 9/2012	88.886	IDA	Tuyển chọn tư vấn cá nhân (IC)
3.5. Quản lý thay đổi (<i>Gói thầu ST7</i>)	Tháng 10/2014	Tháng 1/2016	199.460	IDA	Tuyển chọn trên cơ sở năng lực của tư vấn (CQS)
3.6. Tư vấn thiết kế và giám sát triển khai Trung tâm dữ liệu mới cho NHNN (<i>Gói thầu ST9</i>)	Tháng 5/2015	Tháng 3/2017	748.110	IDA	Tuyển chọn Tư vấn trên cơ sở chất lượng và chi

Mô hình dự án (Project Model)				Phạm vi áp dụng (Scope)		Phân bổ ngân sách (Budget Allocation)		Phân bổ nhân lực (Resource Allocation)	
									phí (QCBS)
3.7. Đào tạo, khảo sát, hợp đánh giá triển khai Dự án						270.434	IDA		
3.7.1. Hợp đánh giá giữa kỳ, tổng kết Dự án, biên, phiên dịch				Tháng 06/2011	Tháng 12/2017				
3.7.2. Đào tạo				Tháng 01/2009	Tháng 06/2014				
3.7.3. Khảo sát				Tháng 03/2009	Tháng 12/2013				
3.8. Chi phí hoạt động gia tăng				Tháng 12/2009	Tháng 12/2017				
II. HỢP PHẦN CIC									
1. Tăng cường năng lực CIC									
1.1. Tăng cường năng lực (trong phạm vi gói ST1)				Tháng 07/2010	Tháng 08/2013				
2. Xây dựng hệ thống ICT									
2.1. Kiểm tra xác nhận độc lập của bên thứ ba (trong phạm vi gói thầu ST3)				Tháng 08/2016	Tháng 12/2016				
2.2. Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC (các máy chủ chính, kho dữ liệu lõi, ứng dụng liên quan) (Gói thầu CGI)				Tháng 2/2013	Tháng 03/2016	6.398.023	IDA		Đầu thầu cạnh tranh quốc tế 2 giai đoạn
2.2.1 Đầu thầu mua sắm CGI				Tháng 2/2013	Tháng 10/2013				
2.2.2 Triển khai CGI				Tháng 10/2013	Tháng 03/2016				
III. HỢP PHẦN BHTG									
1. Tăng cường năng lực BHTG									
1.1. Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ triển khai (Gói thầu DT1)				Tháng 07/2009	Tháng 12/2016	772.516	IDA		Tuyển chọn Tư vấn trên cơ sở chất lượng và chi

Nội dung công việc	Thời gian bắt đầu* (ngày/tháng/năm)	Thời gian kết thúc (ngày/tháng/năm)	Vốn phân bố (USD)	Nguồn vốn	Phương pháp mua sắm
1.1.1. Đấu thầu tuyển chọn tư vấn DT1	Tháng 07/2009	Tháng 01/2011			phí (QCBS)
1.1.2. Triển khai DT1	Tháng 01/2011	Tháng 12/2016			
1.2. Quản trị thay đổi cho Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam (Gói thầu DT2)			138,958	IDA	Tuyển chọn tư vấn cá nhân (IC)
1.1.3. Đấu thầu tuyển chọn tư vấn DT2	Tháng 06/2013	Tháng 01/2014			
1.1.4. Triển khai DT2	Tháng 01/2014	Tháng 01/2015			
1.3. Xác nhận hệ thống CNTT độc lập của bên thứ 3 (Gói thầu DT3)	Tháng 07/2015	Tháng 11/2016	196,883	IDA	Tuyển chọn trên cơ sở năng lực của tư vấn (QQS)
1.1.5. Đấu thầu tuyển chọn tư vấn DT3	Tháng 07/2015	Tháng 12/2015			
1.1.6. Triển khai DT3	Tháng 12/2015	Tháng 11/2016			
2. Xây dựng hệ thống ICT					Đấu thầu cạnh tranh quốc tế 1 giai đoạn
2.1. Cung cấp, lắp đặt và tích hợp Hệ thống CNTT và truyền thông cho Quy trình nghiệp vụ tiên tiến của BHTGVN (Gói thầu DG1)	Tháng 5/2014	Tháng 10/2016	12.255.072	IDA, Đối ứng	
2.1.1. Đấu thầu mua sắm DG1	Tháng 5/2014	Tháng 12/2014			
2.1.2. Triển khai DG1	Tháng 12/2014	Tháng 10/2016			
2.2. Thiết bị văn phòng cho Ban Triển khai dự án (Gói thầu DG2)	Tháng 8/2013	Tháng 11/2013	23.735	IDA, Đối ứng	Chào hàng cạnh tranh
2.2.1. Đấu thầu mua sắm DG2	Tháng 8/2013	Tháng 10/2013			
2.2.2. Triển khai DG2	Tháng 10/2013	Tháng 11/2013			

Số định danh tài sản		Thời gian thực hiện dự kiến nhận được để xuất dự thầu của nhà thầu. Công tác chuẩn bị Hồ sơ mời thầu, trình duyệt và phát hành Hồ sơ mời thầu sẽ được thực hiện từ trước.		Số định danh tài sản		Thời gian thực hiện dự kiến nhận được để xuất dự thầu của nhà thầu. Công tác chuẩn bị Hồ sơ mời thầu, trình duyệt và phát hành Hồ sơ mời thầu sẽ được thực hiện từ trước.	
3. Quản lý dự án							
3.1. Đào tạo, khảo sát		Tháng 12/2009		Tháng 12/2017		114.253	
						IDA	

Ghi chú:

- * Thời gian bắt đầu đối với các gói thầu tuyển chọn tư vấn và mua sắm hàng hóa là mốc thời gian dự kiến nhận được để xuất dự thầu của nhà thầu. Công tác chuẩn bị Hồ sơ mời thầu, trình duyệt và phát hành Hồ sơ mời thầu sẽ được thực hiện từ trước.
- * Phần vốn đối ứng 11,00 triệu đô la Mỹ trong khuôn khổ Dự án FSMIMS đã được Bộ Tài chính nhất trí (tại công văn số 17236/BTC-QLN ngày 9/12/2009) dành để chi 15% các hạng mục hàng hóa và các khoản chi cho Dự án theo qui định tại Điểm 2, Điều 26 Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.
- * Vốn phân bổ lấy theo QĐ 604/2017/QĐ-NHNN ngày 29/3/2017 v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Nguồn vốn này có thể thay đổi khi có sự thay đổi tỷ giá USD/VND và SRD/USD và sẽ được phản ánh trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cập nhật.

Bảng 2 - Phân bổ vốn ODA và vốn đối ứng của Dự án theo các hạng mục:

Đơn vị: triệu USD

Hạng mục giải ngân	Dịch vụ tư vấn	Hàng hoá	Đào tạo/Khảo sát và Tập huấn	Hoạt động quản lý Dự án	Chưa phân bổ	Tổng cộng
1. Hợp phần SBV	6,06	32,88	0,27	1,98	2,22	43,41
Hợp phần SBV.1	3,73	-	0,11			3,84
Hợp phần SBV.2	2,07	32,82	-			34,89
Hợp phần SBV.3	0,26	0,06	0,16	1,98		2,46
Chưa phân bổ					2,22	2,22
2. Hợp phần CIC	0,49	6,40	-	-	-	6,89
Hợp phần CIC.1	0,38	-	-			0,38
Hợp phần CIC.2	0,11	6,40	-			6,51
3. Hợp phần DIV	1,11	12,27	0,12	0,65	1,81	15,96
Hợp phần DIV.1	0,77	-	0,05			0,82
Hợp phần DIV.2	0,34	12,25	-			12,59
Hợp phần DIV.3	-	0,02	0,07	0,65		0,74
Chưa phân bổ					1,81	1,81
Tổng cộng	7,66	51,55	0,39	2,63	4,03	66,26

- Nguồn số liệu theo QĐ 604/2017/QĐ-NHNN ngày 29/3/2017 v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Bảng 3 - Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư của Dự án theo năm:

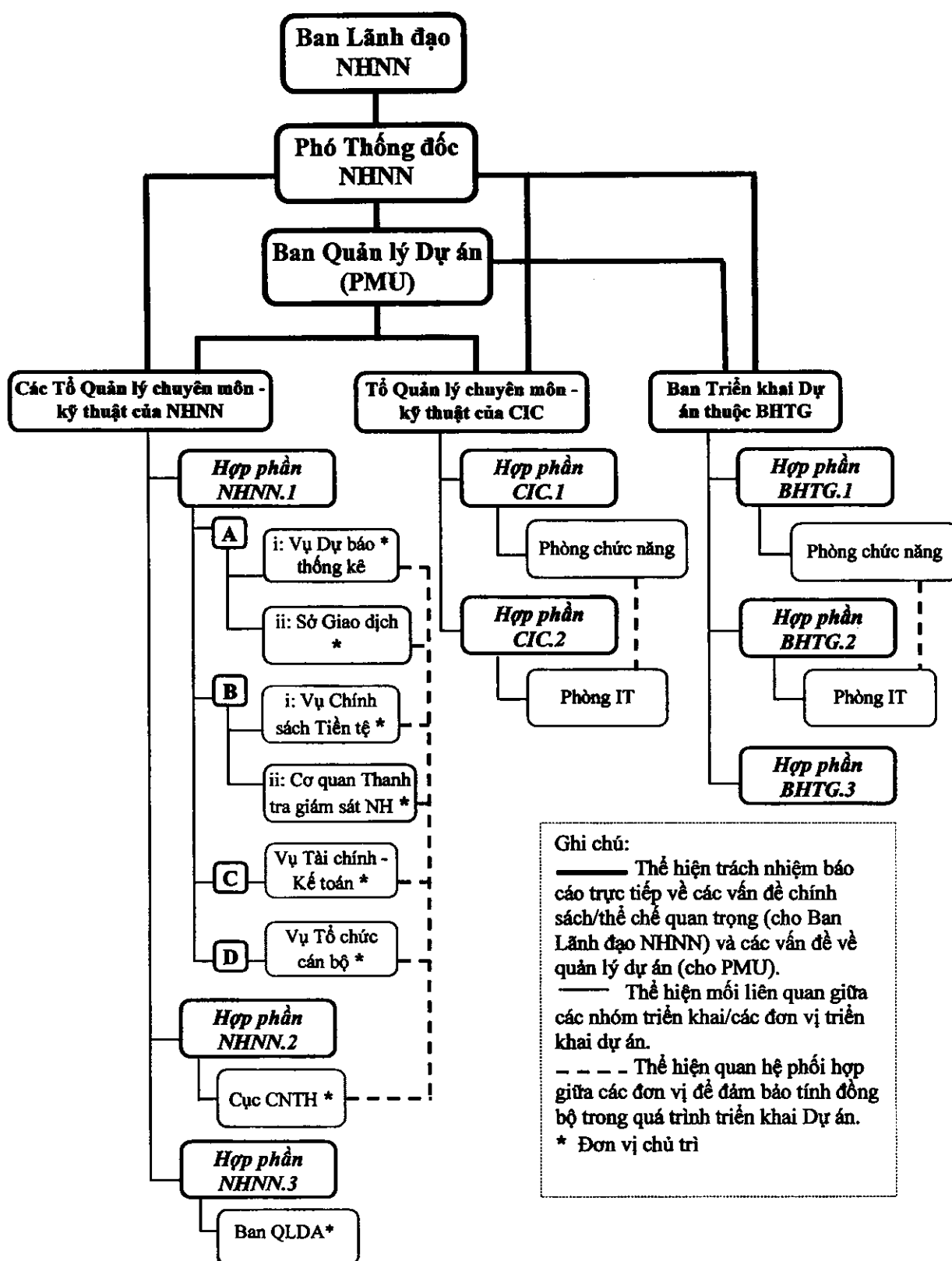
Đơn vị: USD

Vốn đầu tư	Vốn giải ngân theo năm				
	2009 & 2010	2011	2012	2013	2014
Vốn PHRD	-	83.000	110.000	258.000	379.000
Vốn vay IDA	163.674	535.395	1.302.457	1.472.465	12.727.929
Vốn đối ứng	90.845	154.167	212.793	359.028	2.360.340
Tổng cộng:	254.519	772.562	1.625.250	2.089.493	15.467.269
	2015	2016	2017	2018	Tổng
Vốn PHRD	-	-	-	-	830.000
Vốn vay IDA	12.025.197	10.587.939	15.225.438	386.000	54.426.494
Vốn đối ứng	215.437	158.038	116.864	253.000	3.920.512
Tổng cộng:	12.240.634	10.745.977	15.342.302	639.000	59.177.006

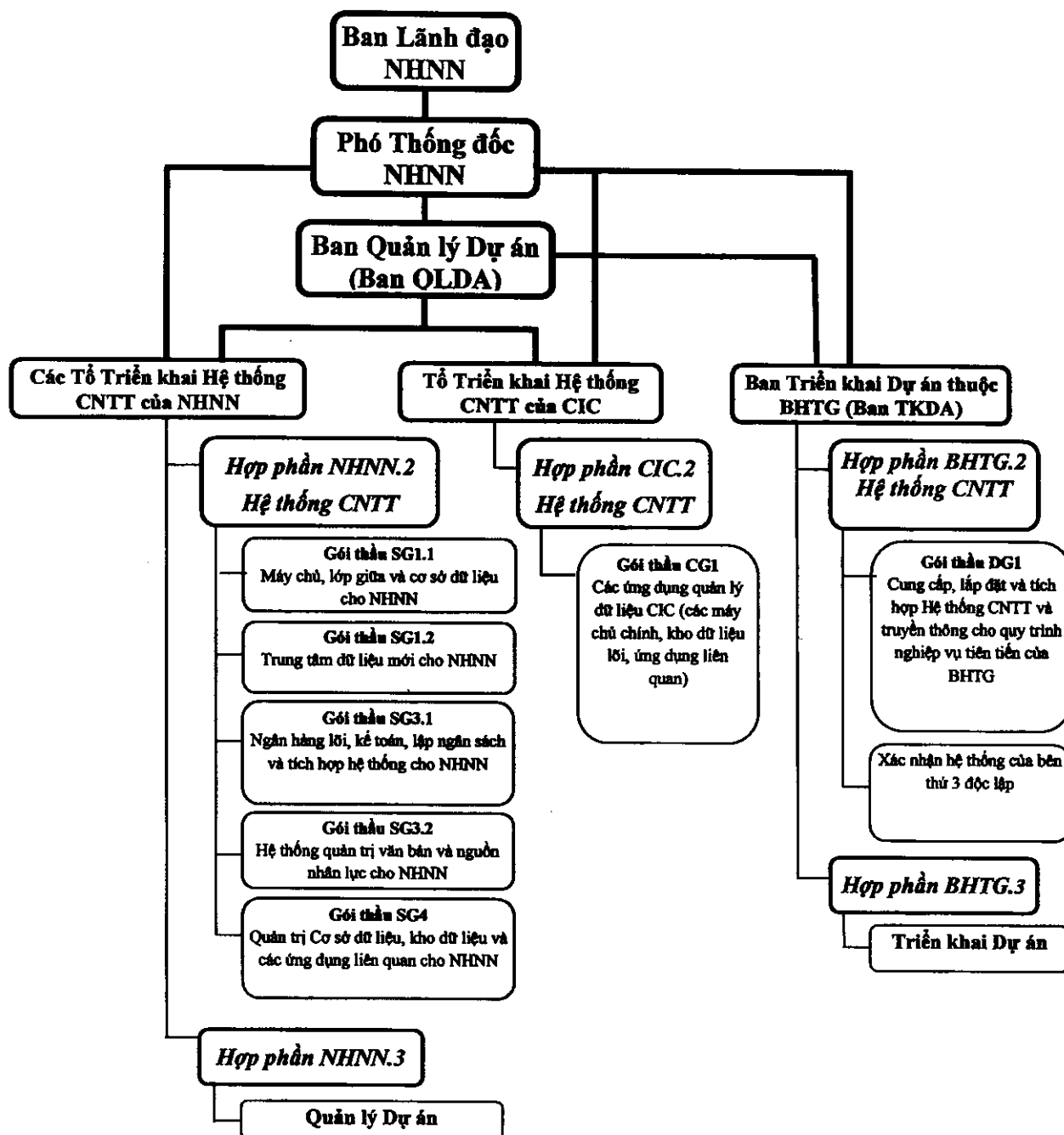
Thời gian thực hiện dự án là 9 năm, 3 năm đầu giải ngân không đáng kể do hoàn tất các thủ tục điều kiện hiệu lực, đấu thầu lựa chọn tư vấn v.v.... Giải ngân chủ yếu bắt đầu từ năm thứ tư của Dự án (2012), tăng dần kể từ năm thứ sáu (2014) và kết thúc vào năm thứ chín (2017).

2. Tổ chức quản lý Dự án

2.1. Cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn “Củng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ”



2.2. Cơ cấu tổ chức quản lý và thực hiện Dự án trong giai đoạn “Thiết kế, xây dựng hệ thống CNTT”:



III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN

1. Các tiêu chuẩn quốc tế liên quan áp dụng

Các tiêu chuẩn quốc tế áp dụng bao gồm: (i) Hướng dẫn của IMF về phạm vi, tính kịp thời và công bố số liệu thống kê tài chính và tiền tệ theo Sổ tay hướng dẫn thống kê tài chính và tiền tệ (IMF, 2000) và Hướng dẫn về hệ thống phân phối dữ liệu chung (IMF, 2007); (ii) nguyên tắc số 16-20 của Bộ nguyên tắc thanh tra giám sát ngân hàng hiệu quả Basel (BIS, 1997); và (iii) thông lệ/tiêu chuẩn quốc tế về trình bày, tổng hợp và tính kịp thời của các báo cáo tài chính áp dụng với các NHTW.

2. Theo dõi và đánh giá dự án

Kết quả tạm thời sẽ được theo dõi như một phần của các hoạt động triển khai dự án tại NHNN, CIC và BHTG cũng như Nhóm WB thông qua giám sát Dự án. Kết quả cuối cùng sẽ được khẳng định thông qua tự đánh giá của NHNN, CIC và BHTG được hỗ trợ bởi tư vấn quốc tế, đánh giá của Nhóm WB và đầu vào từ IMF (chi tiết xin xem 3 cột cuối về thu thập dữ liệu và báo cáo của bảng trong Phụ lục 3 - Tài liệu thẩm định Dự án). Các phương pháp luận được chấp nhận rộng rãi được IMF và WB sử dụng trong đánh giá tính tuân thủ các hướng dẫn của IMF và BCP, và những phương pháp luận được các tổ chức kế toán quốc tế sử dụng để đánh giá tính tuân thủ các thông lệ/tiêu chuẩn quốc tế sẽ được áp dụng. Những tiêu chuẩn này đòi hỏi một phương pháp tiếp cận hợp tác và những bản tự đánh giá và đánh giá của chuyên gia để hỗ trợ NHNN, CIC và BHTG xây dựng năng lực trong theo dõi và đánh giá hiệu suất để họ tiếp tục áp dụng sau khi kết thúc Dự án.

